

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2017

*Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. ông Nguyễn Văn Quỹ
2. bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13-9-2017, 18-9-2017 và 22-9-2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 275/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Bích T - sinh năm 1975

Đăng ký hộ khẩu thường trú: số 66 phố H, phường D, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: số 146 đường Trần Thái T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: anh Phạm Anh C - sinh năm 1971

Đăng ký hộ khẩu thường trú: số 66 phố H, phường D, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: số 146 đường Trần Thái T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(chị Trần Thị Bích T có mặt tại phiên tòa; anh Phạm Anh C có mặt tại phiên tòa ngày 13-9-2017, vắng mặt ngày 18-9-2017 và 22-9-2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 30-6-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Bích T trình bày:

Chị và anh Phạm Anh C tổ chức lễ cưới vào cuối năm 1994 trên cơ sở tự nguyện. Hai bên có Đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Nam Định vào ngày 31-12-1994.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2009 thì bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Năm 2012 chị đã làm đơn xin ly hôn, sau đó được Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn khởi kiện với hy vọng vợ chồng có thể hàn gắn. Tuy nhiên thời gian từ năm 2013 thì hai bên vẫn thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Vì vậy từ đầu năm 2015 chị đã chủ động ly thân với anh C, đến tháng 11/2015 chị đã vào thành phố Hồ Chí Minh sống. Thời gian sau này vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Hiện tại chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn biện pháp hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn anh C.

Con chung: Vợ chồng có 2 con chung đều là con gái. Con lớn là Phạm Thị Bích L1 - sinh ngày 05 tháng 02 năm 1996, hiện đang học đại học tại Hà Nội. Con nhỏ là Phạm Diệu L2 - sinh ngày 22 tháng 6 năm 2004, hiện đang học lớp 8 trường THCS Phùng Chí Kiên - thành phố Nam Định và đang ở cùng với anh C. Nếu ly hôn, chị T xin nuôi con là Phạm Diệu L2 và không yêu cầu anh C đóng góp nuôi con.

Tài sản chung: khi khởi kiện chị Trần Thị Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết chia các tài sản chung là:

- Căn nhà và quyền sử dụng 60,4m² đất tại địa chỉ: số 146 đường Trần Thái T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Quyền sử dụng 283,5m² đất tại địa chỉ: thửa đất số 245 tờ bản đồ số 58, tổ 15 phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị T xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung vì lý do vợ chồng đã tự thỏa thuận chia tài sản chung.

2. Tại bản tự khai ngày 18-7-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Phạm Anh C trình bày:

Về việc vợ chồng kết hôn và có 02 con chung, có các tài sản chung như chị T đã trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2012 thì bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là chị T không tập trung lo cho công việc gia

đình, hay tụ tập chơi bời với bạn bè. Anh cũng đã góp ý nhưng chị T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng dần, đến khoảng cuối năm 2013 thì chị T bỏ đi. Anh cũng không biết chị T đi đâu, làm gì. Thời gian sau này hai bên không liên lạc gì với nhau, bản thân anh cũng có lúc muốn gặp chị T để hòa giải, khắc phục tình trạng của vợ chồng nhưng không gặp được.

Hiện tại anh C chỉ đồng ý ly hôn với chị T nếu được nuôi con Phạm Diệu L2. Lý do anh xin nuôi con là vì cháu L2 vẫn ở với anh từ nhỏ cho đến nay, anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L2 trong thời gian chị T bỏ đi. Nếu được nuôi con, anh C không yêu cầu chị T có trách nhiệm đóng góp nuôi con.

Tài sản chung: anh Phạm Anh C đã ký xác nhận vào đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung ngày 15-9-2017 của chị Trần Thị Bích T.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Anh C.
- Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con là Phạm Diệu L2 - sinh ngày 22-6-2004. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.
- Chấp nhận việc rút yêu cầu và đình chỉ xét xử việc chia tài sản chung.
- Buộc chị T và anh C phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Anh C, yêu cầu Tòa án quyết định người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 146 đường Trần Thái T, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và quyền sử dụng đất tại tổ 15 phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Bị đơn là anh Phạm Anh C không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Anh C kết hôn vào cuối năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, hai bên có Đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Nam Định vào ngày 31-12-1994. Như vậy hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh C chung sống hòa thuận đến năm năm 2012 thì bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Mặc dù vợ chồng đã bàn bạc tìm cách khắc phục mâu thuẫn, cũng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng dần, từ cuối năm 2015 thì chị T đã sống ly thân với anh C cho đến nay. Hiện tại mặc dù anh C không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp khắc phục. Do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử lý hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Anh C.

2.2. Về nuôi con:

Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Anh C có 02 con chung là Phạm Thị Bích L1 - sinh ngày 05 tháng 02 năm 1996, đã trưởng thành và Phạm Diệu L2 - sinh ngày 22 tháng 6 năm 2004. Hiện tại cả chị T và anh C đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L2 sau khi ly hôn. Xét thấy mặc dù sau khi ly hôn hai bên đều có đủ điều kiện nuôi con, tuy nhiên cháu L2 là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu L2 sau khi vợ chồng ly hôn.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn:

Xét thấy việc chị Trần Thị Bích T không yêu cầu anh Phạm Anh C phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

2.4. Về chia tài sản chung:

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Bích T có đơn đề nghị xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án vì lý do vợ chồng đã tự chia tài sản chung xong. Xét thấy việc chị T xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận và đình chỉ việc chia tài sản chung trong vụ án.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Trần Thị Bích T là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp khi khởi kiện sẽ được khấu trừ vào án phí.

Chị Trần Thị Bích T đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên không phải chịu án phí chia tài sản. Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung chị T đã nộp khi khởi kiện sẽ được trả lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Anh C.

2. Con chung:

Giao cho chị Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi con Phạm Diệu L2 - sinh ngày 22 tháng 6 năm 2004. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Anh C vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định

của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị Bích T trong vụ án.

4. Án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trần Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp tại biên lai số 03640 ngày 30-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

- Trả lại cho chị Trần Thị Bích T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 9.375.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai số 03639 ngày 30-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Bích T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Anh C có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Anh C có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Minh Tuấn